

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2022/HC-PT

Ngày: 07/6/2022

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 339/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 9 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2021/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4695/2022/QĐPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Vũ Thị V, sinh năm 1936; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1969; có mặt;

Cùng địa chỉ: Đội 2, thôn TH, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người bị kiện:** UBND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mai K – Phó Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Hữu Dũng – Chuyên viên Phòng TN&MT thành phố Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã Quảng Thịnh (nay là phường Q), thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Lê Thanh X, ông Nguyễn Trọng Đủ, bà Trần Thị Hà; trú tại: Thôn TH, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Vũ Thị V và đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Vũ Thị V và ông Đàm Lê H (chồng bà V) là chủ sử dụng thửa đất số 592 tờ bản đồ số 03 Bản đồ 364 đo vẽ năm 1992 xã QT, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Q, thành phố Thanh Hóa). Diện tích 496m², đất ở là 139m² và diện tích đất vườn là 357m² đứng tên chủ sử dụng là Vũ Thị V tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 0947044 ngày 02/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện QX cấp cho bà V. Năm 2012 xã QT được sát nhập về địa giới thành phố Thanh Hóa. Quá trình sinh sống trên thửa đất trên gần 40 năm (kể từ năm 1992), gia đình bà V sử dụng đất ổn định, đúng mục đích, đúng diện tích, không lấn chiếm, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước.

Năm 2018, bà V tặng cho các con một phần diện tích thửa đất trên cho các con bà Vũ Thị V đã làm thủ tục đăng ký tại UBND phường Q. Tuy nhiên, mãi đến tháng 5/2019 địa chính phường Q không tách được đất cho con bà Vũ Thị V và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà V nhưng không phải là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 0947044 ngày 02/8/2000 của UBND huyện QX đã cấp cho bà V mà lại là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 096259 ngày 20/7/2018 của UBND thành phố Thanh Hóa do ông Vũ Đức Kính, Phó chủ tịch ký.

Sau khi kiểm tra Giấy CNQSDĐ số CO 096259 ngày 20/7/2018 thì thấy đất ở ghi là 139m² và đất vườn ghi là 244,7m² thiếu 112,3m² đất vườn so với Giấy CNQSDĐ số O 0947044 ngày 02/8/2000 của bà trước đây.

Việc thu hồi Giấy CNQSDĐ cũ số O 0947044 ngày 02/8/2000 của UBND thành phố Thanh Hóa đối bà V là không có căn cứ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình, bà Vũ Thị V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 096259 ngày 20/7/2018 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp mang tên bà Vũ Thị V.

- Nếu UBND thành phố không trả lại diện tích đất còn thiếu là 112m² thì phải bồi thường tiền đất và chi phí đầu tư vào đất theo quy định của pháp luật.
Cụ thể:

+ Bồi thường về đất ở theo giá đất ở thành thị, vị trí 1, gồm 139m² đất ở và 357m² đất vườn thu thuế sử dụng đất của gia đình bà theo Thông báo số 1412/TB-CCT ngày 14/6/2016 của Chi cục thuế thành phố Thanh Hóa.

+ Bồi thường về cây hoa màu trên đất chưa thu hoạch theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND Thanh Hóa ngày 20/3/2020; do thời điểm thu hồi trên đất của gia đình bà V đang trồng lạc, khoai tây sắp đến kỳ thu hoạch, các loại rau thơm và các loại cây bưởi, táo, na, cam chuối.

+ Tiền chậm chi trả, thanh toán trong 06 năm từ 2014 – 2020.

Tổng số tiền bồi thường về đất và cây cối trên đất là: **1.937.634.905 đồng**
(Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tư ngàn đồng).

** Tại văn bản ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa và quá trình giải quyết vụ án đại diện người bị kiện trình bày:*

Qua xem xét hồ sơ tài liệu quản lý đất đai thấy rằng: Ngày 28 tháng 6 năm 2018, UBND thành phố Thanh Hóa nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của bà Vũ Thị V đối với thửa đất tại thôn T, xã QT, thành phố Thanh Hóa.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của bà Vũ Thị V bao gồm: Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, kèm theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thừa kế được Văn phòng công chứng Thuận Thiên chứng thực ngày 08/05/2018; Giấy chứng nhận số 00014/ QSDĐ cấp ngày 02/8/2000; Biên bản thẩm tra việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; giải trình của UBND xã QT về việc diện tích giảm; đơn đăng ký biến động bà V ký; Trích bản đồ địa chính thửa đất năm 1992, niên yết công khai, kết thúc niên yết, bản khai quan hệ nhân thân; Đo đạc, chỉnh lý thửa đất có chữ ký của bà Vũ Thị V.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của bà Vũ Thị V, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố đã thẩm tra hồ sơ, tham mưu cho phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố thẩm định trình UBND thành phố Thanh Hóa ký Giấy chứng nhận, đến ngày 20/7/2018 UBND thành phố Thanh Hóa đã ký cấp cho Bà Vũ Thị V Giấy chứng nhận số CO 096259 với diện tích 383,7m² (trong đó: đất ở 139m²; đất trồng cây lâu năm 244,7m²).

Bên cạnh đó, căn cứ vào văn bản giải trình của UBND xã QT lập ngày 19/6/2018 nêu lên nguyên nhân giảm là do trước đây QL.1A còn hẹp, Nhà nước đã vận động hộ trừ đất làm đường QL1A, xây dựng tiêu nước dọc đường nên diện tích của hộ bị giảm so với giấy chứng nhận.

Mặt khác việc bà Vũ Thị V đã đồng ý làm đơn đăng ký, ký trích đo hiện trạng và các giấy tờ liên quan đến việc cấp GCN theo hiện trạng sử dụng đất với diện tích 383,7m² (là nguyện vọng, ý trí của bà Vũ Thị V).

Như vậy, việc cấp GCN số CO 096259 ngày 20/7/2018 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp mang tên bà Vũ Thị V là phù hợp với quy định và trình tự. Việc bà Vũ Thị V yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 096259 ngày 20/7/2018 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp và trả lại diện tích đất còn thiếu là 112m². Nếu không trả thì phải bồi thường tiền đất và chi phí đầu tư vào đất là không có căn cứ chấp nhận.

** Tại văn bản ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Thanh Hóa trình bày:*

- Về nguồn gốc đất của bà Vũ Thị V (ông H) là đất ở có nguồn gốc sau 18/12/1980 được đăng ký trên bản đồ 364 lập năm 1992 tại thửa đất số 592 tờ bản đồ số 03 diện tích là 834m². Năm 1994 hộ bà Vũ Thị V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00816 ngày 30/7/1994 mang tên ông Đàm Hữu H

Sau đó gia đình chuyển nhượng một phần diện tích còn lại là 496,0m² theo giấy chứng nhận số 0947044 cấp ngày 02/8/2000 tại thời điểm cấp giấy cho hộ bà V chỉ giảm trừ phần chuyển nhượng phần diện tích còn lại cấp đổi mà không đo lại hiện trạng sử dụng.

Năm 2018 gia đình làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế Ủy ban nhân dân phường Q đã phối hợp chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo đạc hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Vũ Thị V thì diện tích thực tế sử dụng là 383,7m² diện tích giảm so với giấy chứng nhận là 112,3m² gia đình đã đồng ý diện tích 383,7m² để đề nghị cấp đổi lại giấy chứng nhận số CO096259 ngày 20/7/2018. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận ranh giới thửa đất ổn định không có lấn chiếm không có tranh chấp, hiện nay cũng vậy.

Đối với các hộ dân được cấp giấy chứng nhận trước đây, nay có biến động về đất, chủ sử dụng thì chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đo đạc lại nên diện tích thửa đất đã có phần tăng, giảm so với giấy chứng nhận đã được cấp.

- Về việc thu hồi một phần diện tích của hộ bà Vũ Thị V để làm QL1A:

Năm 1994 nhà nước mở rộng đường QL1A nhà nước chỉ kiểm kê tài sản (có đền bù tài sản trên đất) cho các hộ dọc tuyến QL1A trên địa bàn phường Q mà không có chính sách đền bù về đất.

Qua làm việc với ông Nguyễn Thế L nguyên phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, hiện là Trưởng thôn T thì hộ gia đình bà Vũ Thị V trước đây làm nhà lùi sâu, phía hành lang không có tài sản gì nên khi mở rộng đường không được kiểm kê về tài sản cũng như về đất. Qua kiểm tra hồ sơ mở rộng đường QL1A trên địa bàn phường không có hồ sơ của gia đình bà Vũ Thị V. Do không có biên bản kiểm kê đất đai, tài sản trên đất đối với hộ bà Vũ Thị V trước đây nên không có cơ sở để xác định phần đất nhà nước đã làm đường vào đất gia đình bà Vũ Thị V.

Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Những người làm chứng (Ông Nguyễn Thế L, ông Lê Thanh X, bà Trần Thị Hạnh, ông Lê Văn Thanh, ông Nguyễn Trọng Đ, Trần Thị H) thừa nhận:* Từ những năm 2012 trở về trước nhà nước mở rộng đường Quốc lộ 1A, lấy đất của một số hộ gia đình mặt đường trong đó có hộ bà V, nhưng không thu hồi, bồi thường, không có chủ trương vận động hiến đất và các hộ cũng không có đơn tự nguyện hiến đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2021/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 4 Điều 116; khoản 1, khoản 2 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính.

Điểm c, d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 79 và khoản 3 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V về các nội dung sau:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 096259 ngày 20/7/2018 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp mang tên bà Vũ Thị V.

- Nếu UBND thành phố không trả lại diện tích đất còn thiếu là 112m² thì phải bồi thường tiền đất và chi phí đầu tư vào đất theo quy định của pháp luật.
Cụ thể:

+ Bồi thường về đất ở theo giá đất ở thành thị, vị trí 1, gồm 139m² đất ở và 357m² đất vườn thu thuế sử dụng đất của gia đình bà theo Thông báo số 1412/TB-CCT ngày 14/6/2016 của Chi cục thuế thành phố Thanh Hóa.

+ Bồi thường về cây hoa màu trên đất chưa thu hoạch theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND Thanh Hóa ngày 20/3/2020; do thời điểm thu hồi trên đất của gia đình bà V đang trồng lạc, khoai tây sắp đến kỳ thu hoạch, các loại rau thơm và các loại cây bưởi, táo, na, cam chuối.

+ Tiền chậm chi trả, thanh toán trong 06 năm từ 2014 – 2020.

Tổng số tiền bồi thường về đất và cây cối trên đất là: 1.937.634.905 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tư ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2021, người khởi kiện là bà Vũ Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Đàm Thị T đại diện cho bà Vũ Thị V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Vũ Thị V; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tổ tụng: Người khởi kiện vắng mặt nhưng đã có đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố Thanh Hóa vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 096259 ngày 20/7/2018 của UBND thành phố Thanh Hóa cấp đổi cho bà Vũ Thị V (gọi tắt là giấy chứng nhận) là quyết định hành chính cá biệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính. Bà Vũ Thị V cho rằng việc UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSD đất trên là không có căn cứ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên bà V có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và yêu cầu bồi thường về đất bị thu hồi. Thời hiệu khởi kiện tuy quá 1 năm kể từ ngày nhận, biết được quyết định hành chính bị khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính, nhưng bà V chứng minh là do bà bị ốm phải đi điều trị, đây là trở ngại khách quan và được xem xét theo khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[3] Xét các nội dung khởi kiện:

3.1. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CO 096259 mang tên Vũ Thị V do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 20/7/2018

**** Về nguồn gốc thửa đất:***

- Nguồn gốc đất của bà Vũ Thị V (ông H) là đất ở có nguồn gốc sau 18/12/1980 được đăng ký trên bản đồ 364 lập năm 1992 tại thửa đất số 592 tờ bản đồ số 03 diện tích là 834m². Năm 1994 hộ bà Vũ Thị V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00816 ngày 30/7/1994 mang tên ông Đàm Hữu H.

- Sau đó gia đình chuyển nhượng một phần diện tích còn lại là 496,0m², đã được UBND huyện QX cấp GCNQSDĐ số O 947044 ngày 02/8/2000, diện tích 496m² (đất ở 139m², đất vườn 357m²) mang tên Vũ Thị V.

- Ngày 20/7/2018, UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số CO 096259 cho bà Vũ Thị V với diện tích 383,7m² (trong đó: đất ở 139m²; đất trồng cây lâu năm 244,7m²).

**** Về trình tự, thủ tục và căn cứ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CO 096259:***

- Năm 2018, bà Vũ Thị V có nhu cầu phân chia tài sản thừa kế cho các con (do ông H, chồng bà đã chết) nên bà V đã nộp Giấy CNQSDĐ số O 947044 ngày 02/8/2000 do UBND huyện QX cấp và hồ sơ về UBND phường Q để làm thủ tục. UBND phường đã phối hợp với Văn phòng ĐKQSDĐ thành phố Thanh Hóa tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng. Kết quả hiện trạng sử dụng là 383,7m² (giảm so với GCNQSDĐ đã cấp ngày 02/8/2000 là 112,3m²). Bà V đã được thông báo về việc thiếu diện tích 112,3m² và muốn thực hiện việc tách đất cho các con thì phải thực hiện việc cấp lại GCNQSDĐ, bà V đã không có ý kiến gì về việc thiếu đất và đồng ý đề nghị cấp lại GCNQSDĐ phù hợp với hiện trạng

383,7m² để làm cơ sở chia tách đất cho các con. Bà V đã làm Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đã được đo là 383,7m² và đơn đăng ký biến động đất đai về địa giới hành chính ngày 19/6/2018.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà V, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thanh Hóa đã thẩm định, chính lý hồ sơ địa chính và đề nghị UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số CO 096259 ngày 20/7/2018 cho bà V. Bà V có nguyện vọng muốn chuyển đổi 244,7m² đất vườn thành đất ở để chia cho các con. Tuy nhiên, việc chuyển mục đích sử dụng đất không được UBND thành phố Thanh Hóa chấp nhận vì có liên quan đến quy hoạch. Sau đó, bà V mới có đề nghị UBND thành phố Thanh Hóa trả lại Giấy CNQSDĐ mà UBND huyện QX đã cấp cho bà ngày 02/8/2000 với diện tích là 496m².

Như vậy, do nhu cầu phân chia di sản thừa kế, do hiện trạng sử dụng không đúng diện tích trong giấy chứng nhận đã cấp và biến động về thay đổi địa giới hành chính từ xã QT, huyện QX chuyển thành xã QT, thành phố Thanh Hóa, UBND thành phố Thanh Hóa thu hồi GCNQSD đất số O 947044 ngày 02/8/2000 của UBND huyện QX để cấp GCN số CO 096259 ngày 20/7/2018 là theo ý chí, nguyện vọng và đề nghị của bà V, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất thực tế và đúng quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 79 và khoản 3 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai.

Do đó, xác định Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CO 096259 ngày 20/7/2018 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp cho bà Vũ Thị V đúng hiện trạng sử dụng, có căn cứ và đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nêu trên của bà Vũ Thị V.

3.2. Yêu cầu UBND thành phố Thanh Hóa trả lại diện tích 112m² đất bị thiếu, nếu không trả đất thì phải bồi thường về đất, hoa màu và các khoản hỗ trợ là: 1.937.634.905 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tư ngàn đồng).

- Nội dung bà V yêu cầu UBND thành phố Thanh Hóa trả lại diện tích đất còn thiếu 112,3m² đất: Từ sau thời điểm cấp GCNQSD đất số O 947044 ngày 02/8/2000 của UBND huyện QX cho bà Vũ Thị V, thì không có tài liệu nào chứng minh Nhà nước có chủ trương thu hồi đất của gia đình bà V. Đặc biệt từ năm 2014 (Thời điểm bà V cho rằng Nhà nước thu hồi đất của gia đình bà mà không bồi thường), thì Luật đất đai 2013 đã có hiệu lực thi hành. Việc thu hồi, bồi thường về đất đai của Nhà nước được pháp luật quy định các trình tự, thủ tục chặt chẽ và có các văn bản hướng dẫn thi hành, nếu Cơ quan Nhà nước có

thảm quyền thực hiện không đúng thì những người bị xâm phạm quyền lợi có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ năm 2014 cho đến thời điểm cấp đổi GCNQSD đất số CO 096259 ngày 20/7/2018, thì bà V và các hộ cùng tuyến phố cũng không khiếu nại, thắc mắc gì về việc Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường cho dân. Từ thời điểm 29/02/2012 xã QT sát nhập địa giới hành chính về thành phố Thanh Hóa thì không có tài liệu nào chứng minh UBND thành phố Thanh Hóa thu hồi đất của gia đình bà V. Việc cấp GCNQSDĐ ngày 20/7/2018 của UBND thành phố Thanh Hóa là theo nguyện vọng của bà V, căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và trên cơ sở các quy định của pháp luật nên yêu cầu UBND thành phố Thanh Hóa trả lại diện tích đất còn thiếu 112,3m² đất của bà V là không có cơ sở chấp nhận.

- *Đối với yêu cầu bồi thường:*

+ Về thời điểm mở rộng quốc lộ 1A:

Theo trình bày của bà V về việc Nhà nước mở rộng đường QL 1A năm 2014 đã sử dụng 112m² đất của gia đình bà, tuy nhiên bà V không có tài liệu, căn cứ để xác định nhà nước mở rộng đường 1A vào năm 2014. Theo các Biên bản làm việc và báo cáo của một số người dân cùng tuyến đường với gia đình bà V đều xác định thời điểm mở rộng đường Quốc lộ 1A là từ năm 2012 trở về trước.

Theo báo cáo của UBND thành phố Thanh Hóa và UBND phường Q, năm 2014 Nhà nước không mở rộng quốc lộ 1A mà chỉ thực hiện chỉnh trang hè phố, lát vỉa hè trên nền vỉa hè cũ; việc mở rộng quốc lộ 1A được thực hiện vào năm 1994 và cung cấp 01 bộ hồ sơ kiểm kê, đền bù về tài sản năm 1994 của 01 hộ dân trên cùng tuyến đường với gia đình bà V. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của người khởi kiện về thời điểm Nhà nước mở rộng đường vào năm 2014.

+ Về chênh lệch giảm 112,3m² đất của bà V:

Tại Văn bản số 57/CV ngày 29/3/2021 của UBND phường Q xác định tại thời điểm UBND huyện QX cấp GCNQSDĐ ngày 02/8/2000 cho bà V chỉ giảm trừ phần chuyển nhượng, phần diện tích còn lại cấp đổi mà không đo lại hiện trạng sử dụng. Quá trình giải quyết, đại diện UBND phường Q cho rằng nguyên nhân thiếu đất của bà V có thể là do: không đo đạc, chỉnh lý khi cấp GCN mới mà chỉ đối trừ diện tích trên hồ sơ hoặc sai số khi đo đạc như đo bằng thước dây thông thường hoặc đo cả vào phần diện tích hành lang giao thông, cần phải thu thập hồ sơ cấp GCN này để xác định nguyên nhân thiếu đất của bà V.

Tòa án đã yêu cầu UBND huyện QX, UBND thành phố Thanh Hóa và UBND phường Q cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ số O 947044 ngày 02/8/2000 do UBND huyện QX cấp cho bà V với diện tích 496m² để xem xét hình thể, ranh giới thửa đất khi cấp GCN so với thời điểm cấp GCN năm 2018 nhưng không thu thập được, hồ sơ này UBND thành phố Thanh Hóa và UBND phường Q cũng không có xuất trình. Do đó, chưa có cơ sở để xác định, việc thiếu 112m² đất của bà V là do đo đạc địa chính.

- Đối với nội dung Nhà nước sử dụng diện tích 112m² đất của bà V khi mở rộng Quốc lộ 1A:

Các nhân chứng do bà V yêu cầu triệu tập đến phiên tòa là những hộ dân cùng tuyến trên Quốc lộ 1A đều trình bày, quá trình nhà nước mở rộng đường 1A gia đình họ cũng bị ảnh hưởng về đất nhưng không được bồi thường, họ cũng không có ý kiến hay khiếu nại đến các cấp chính quyền hoặc cơ quan nhà nước nào để giải quyết; phù hợp với 01 bộ hồ sơ kiểm kê, bồi thường năm 1994 của 01 hộ dân do UBND xã QT cung cấp thể hiện chỉ bồi thường tài sản trên đất, không bồi thường về đất; phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Thế L nguyên Phó Chủ tịch UBND xã QT, thành viên Ban GPMB, hiện nay là trưởng thôn Hùng Thịnh: Hộ gia đình bà V trước đây làm nhà lùi sâu, phía hành lang không có tài sản gì nên khi mở rộng đường không được kiểm kê về tài sản cũng như về đất. Như vậy, với các tài liệu hiện có trong hồ sơ và lời trình bày của các nhân chứng, có cơ sở xác định: Mặc dù các hộ dân và gia đình bà V không có đơn hiến đất vào thời điểm năm 1994, nhưng đã ủng hộ chủ trương mở rộng quốc lộ 1A của Nhà nước bằng việc tự nguyện để Nhà nước sử dụng đất để làm đường. Mặt khác, người khởi kiện cho rằng Nhà nước lấy đất của gia đình năm 2014 chứ không phải năm 1994 vì GCNQSDĐ đất số O 947044 ngày 02/8/2000 của UBND huyện QX (6 năm sau) bà không thắc mắc gì về diện tích đất.

Từ các phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận của bà V yêu cầu bồi thường 112,3m² đất, hoa màu trên đất và các khoản hỗ trợ khác. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị V là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, bác kháng cáo của bà Vũ Thị V, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị V; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2021/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Bà Vũ Thị V được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC THẨM PHÁN

**Nguyễn Văn Cường
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng

Nguyễn Tất Nam

Nguyễn Văn Cường